

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27-9-2022

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Như Trang;

2. Bà Đoàn Thị Duyên.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thìn – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1991.

Hộ khẩu thường trú: thôn 3, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ cư trú hiện nay: thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1990.

Địa chỉ: thôn 3, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

(Chị T, anh C đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Văn C đăng ký kết hôn ngày 24/3/2014 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình. Việc kết hôn giữa

chúng tôi trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn 3, xã V. Thời gian đầu chúng tôi chung sống về cơ bản là hạnh phúc, có những lúc xảy ra mâu thuẫn nhưng không thường xuyên. Kể từ khoảng đầu năm 2019 thì giữa chúng tôi bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ vấn đề kinh tế. Thời gian đó tôi thường phải đi làm về muộn, khi về nhà tôi cần có không gian để nghỉ ngơi, phục hồi sức khỏe nhưng anh C thường xuyên bật nhạc to vào thời điểm đêm khuya, khoảng 1-2 giờ sáng. Khi tôi đề nghị anh tắt nhạc hoặc nghe bằng tai nghe để tránh ảnh hưởng tới việc nghỉ ngơi của mọi người thì hai bên bắt đầu cãi vã. Sự việc như vậy xảy ra rất nhiều lần. Ngoài ra chúng tôi còn mâu thuẫn về vấn đề công việc của anh C, vấn đề kinh tế gia đình và mâu thuẫn về việc anh không quan tâm đến gia đình phía bên nhà bố mẹ đẻ tôi, không hỏi han khi mẹ tôi bị ốm, phải điều trị ở bệnh viện... Vì vậy, mâu thuẫn giữa chúng tôi do có nhiều sự khác biệt trong tính cách, suy nghĩ, lối sống, mâu thuẫn giữa chúng tôi diễn ra trong thời gian đã lâu và không thể giải quyết được. Bản thân tôi nhận thấy tôi không phù hợp với suy nghĩ, cách hành xử của anh C, tôi và anh C không thể tiếp tục cùng chung sống. Kể từ ngày 02/6/2022, tôi đã chuyển về sinh sống tại gia đình bố mẹ đẻ tôi tại thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình và không sống cùng anh Chính từ đó đến nay. Quan điểm hiện nay của tôi là đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn anh Nguyễn Văn C để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 01 con chung là Nguyễn Minh Ch, sinh ngày 16/02/2016. Hiện nay con chung đang sống cùng với tôi tại gia đình bố mẹ đẻ tôi tại xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con cùng tôi.

Về tài sản: Chúng tôi tự thỏa thuận về tài sản, không có nợ chung, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn Ch trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi nhất trí với trình bày của chị Tuyết về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và quá trình chung sống của vợ chồng. Tôi và chị Phạm Thị T đăng ký kết hôn ngày 24/3/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Việc kết hôn giữa chúng tôi trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống cùng gia đình bố mẹ tôi tại thôn 3, xã V. Trong 08 năm chung sống, việc chúng tôi có xảy ra mâu thuẫn như chị T trình bày là đúng nhưng theo tôi những mâu thuẫn đó là rất bình thường, không đến mức trầm trọng và không cần phải ly hôn. Từ tháng 6/2022 thì chị T chuyển về sinh sống tại gia đình bố mẹ đẻ tại xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Hiện nay chúng tôi đang sống ly thân. Kể từ khi sống ly thân đến nay, tôi đã thử hòa giải với chị T bằng nhiều phương pháp như gặp mặt trực tiếp để nói chuyện, nhắn tin qua zalo... nhưng mâu thuẫn giữa chúng tôi vẫn không có chuyển biến tích cực. Hiện nay tôi chưa đưa ra được giải pháp nào khác khả thi hơn hòa giải với chị T, tôi không đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 01 con chung là Nguyễn Minh C, sinh ngày 16/02/2016 như chị T trình bày là đúng. Hiện nay con chung đang sống cùng với chị T tại xã V, huyện Vũ, tỉnh Thái Bình. Do con chung còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của người mẹ nên tôi đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Tôi không có ý kiến gì về việc chị T không yêu cầu tôi cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chúng tôi không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh ngày 01/8/2022 tại UBND xã V có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Ch đăng ký kết hôn ngày 24/3/2014 tại UBND xã V. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại thôn 3, xã V. Về nguyên nhân mâu thuẫn, tình trạng mâu thuẫn giữa anh chị địa phương không được biết. Khoảng đầu năm 2022 thì chị T không sinh sống tại xã V cùng anh C nữa. Hiện nay chị T xin ly hôn anh C, đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của các bên và quy định của pháp luật để giải quyết.

Về con chung: chị T và anh C có 01 con chung là Nguyễn Minh C, sinh ngày 16/02/2016. Hiện nay cháu Nguyễn Minh C đang sống cùng chị T, không sống cùng anh C tại địa phương.

Về tài sản: chị T anh C không có tài sản chung. Theo địa phương được biết anh chị không có nợ chung.

Hoàn cảnh gia đình anh C có bố là người câm điếc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn C. Về nuôi con chung: giao con chung Nguyễn Minh C, sinh ngày 16/02/2016

cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: chị T và anh C đều không yêu cầu, không đặt ra giải quyết. Về án phí: chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn C có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn 3, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T, anh C đều có đơn xin xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn C đã tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 24/3/2014 tại UBND xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng gia đình anh C tại thôn 3, xã V, huyện K. Thời gian đầu sau khi kết hôn, chị Tuyết và anh Chính chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa anh chị bắt đầu phát sinh nhiều từ khoảng năm 2019, nguyên nhân của mâu thuẫn chủ yếu xuất phát từ cách sống công việc của anh C, kinh tế gia đình và kết hợp việc anh C không quan tâm đến gia đình nhà bố mẹ đẻ chị T, không quan tâm thăm hỏi khi mẹ chị T bị ốm, phải điều trị ở bệnh viện... Do sự khác biệt trong tính cách, suy nghĩ, lối sống, mâu thuẫn giữa hai bên diễn ra trong thời gian đã lâu và không thể giải quyết được. Bản thân chị T nhận thấy không phù hợp với suy nghĩ, cách hành xử của anh C, không thể tiếp tục cùng chung sống. Bản thân anh Chính cũng thừa nhận những mâu thuẫn như chị T trình bày là đúng sự thật, nhưng theo anh không đến mức trầm trọng. Như vậy giữa chị T và anh C có sự khác biệt trong quan niệm, lối sống, không thể hòa hợp được dẫn tới việc kể từ tháng 6/2022, anh chị không tiếp tục chung sống cùng nhau nữa. Anh C không đồng ý ly hôn nhưng đến nay, anh không đưa ra được giải pháp nào khả thi để hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị T. Tại phiên hòa giải, chị T vẫn khẳng định bản thân chị không còn tình cảm với anh C và sẽ không quay lại đoàn tụ với anh. Do đó có căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh C đã đến mức trầm trọng, đòi

sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

[3] Về quan hệ con chung: anh chị có 01 con chung là con chung là Nguyễn Minh C, sinh ngày 16/02/2016. Căn cứ vào điều kiện thực tế hiện nay, cháu Nguyễn Minh C đang sống cùng chị T, căn cứ nguyện vọng của các bên đương sự đều thống nhất việc cháu C do chị T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Chị T là người có công việc, thu nhập và nơi ở ổn định, có đầy đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc cho con chung. Để đảm bảo quyền, lợi ích tốt nhất của con chung, cần giao con chung Nguyễn Minh C cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Việc chị T không yêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp, không trái pháp luật và không vi phạm đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

[4] Về quan hệ tài sản: chị T và anh C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: chị Tt là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn C được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Minh C, sinh ngày 16/02/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Chị T không yêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi chị T, anh C có yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Phạm Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng chị đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án

dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001672 ngày 15/6/2022 sang thi hành án phí. Chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: chị Phạm Thị T, anh Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phan Anh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Anh Tuấn